

Số: 218.../QĐ-TCKTBD

Bến Cát, ngày 17 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành quy định lập mã số học sinh trung cấp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 06/3/2007 của UBND tỉnh Bình Dương về việc đổi tên Trường Trung học Kinh tế thành Trường Trung cấp Kinh tế Bình Dương và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của trường;

Căn cứ Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTB&XH ngày 30/6/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 236/QĐ-TCKT ngày 08/11/2019 của Trường Trung cấp Kinh tế Bình Dương về việc ban hành Quy chế tổ chức bộ máy và hoạt động Trường Trung cấp Kinh tế Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 106/QĐ-TCKTBD ngày 28/08/2020 của Trường Trung cấp Kinh tế Bình Dương về việc ban hành quy chế công tác học sinh trung cấp.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác học sinh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc lập mã số học sinh trung cấp của Trường Trung cấp Kinh tế Bình Dương;

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

Điều 3. Trưởng các Phòng, khoa, giáo viên và học sinh có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở LĐTB&XH-PDN;
- HT, PHT;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, CTHS.



T.15. Đoàn Thị Minh Thuận

Bến Cát, ngày 17 tháng 8 năm 2022

QUY ĐỊNH

Về việc lập mã số học sinh trung cấp

(Ban hành kèm theo quyết định số 118 ngày 17 tháng 8 năm 2022)

Nhằm giúp cho công tác quản lý học sinh khoa học và hiệu quả, tổng hợp dữ liệu, quản lý, lưu trữ hồ sơ và giải quyết các công việc hành chính liên quan đến học sinh. Theo dõi, đánh giá ý thức học tập, kết quả rèn luyện của học sinh;

Nay Trường Trung cấp Kinh tế Bình Dương quy định lập mã số học sinh trung cấp chuyên nghiệp như sau:

1. Cấu trúc mã số học sinh:

Mã số học sinh được cấu trúc bởi 09 ký tự như sau: XXYZZTVVV. Trong đó:

XX (02 ký tự): là 2 số cuối của khóa học.

Y (01 ký tự): là hệ đào tạo (phụ lục).

ZZ (02 ký tự): là ngành đào tạo (phụ lục).

T (01 ký tự): là đối tượng đào tạo (phụ lục).

VVV (03 ký tự): là số thứ tự học sinh theo từng ngành đào tạo.

Ví dụ:

Học sinh Nguyễn Văn Anh, khóa 29, hệ chính quy, ngành Kế toán doanh nghiệp, đã tốt nghiệp trung học phổ thông sẽ có mã số học sinh như sau:

291KD1001 (001 là số thứ tự).

Học sinh Nguyễn Thị Lan Anh, khóa 15, hệ chính quy, ngành Kế toán doanh nghiệp, đã tốt nghiệp trung học cơ sở sẽ có mã số học sinh như sau: 151KD2001 (001 là số thứ tự).

Học sinh Nguyễn Thị Hoa, khóa 05, hệ chính quy, ngành Kế toán tin học, đã tốt nghiệp trung học cơ sở sẽ có mã số học sinh như sau: 051KT2001 (001 là số thứ tự).



Học sinh Lê Phan Trường Giang, khóa 06, hệ chính quy, ngành Điện công nghiệp và dân dụng, đã tốt nghiệp trung học phổ thông sẽ có mã số học sinh như sau: 061DD1001 (001 là số thứ tự).

Học sinh Nguyễn Thị Minh Loan, khóa 06, hệ chính quy, ngành Tin học ứng dụng, đã tốt nghiệp trung học cơ sở sẽ có mã số học sinh như sau: 061UD2001 (001 là số thứ tự).

Học sinh Nguyễn Thị Thu Thảo, khóa 01, hệ chính quy, ngành Tài chính ngân hàng, đã tốt nghiệp trung học cơ sở sẽ có mã số học sinh như sau: 011NH2001 (001 là số thứ tự).

Học sinh Nguyễn Thị Lan, khóa 01, hệ chính quy, ngành Dịch vụ pháp lý, đã tốt nghiệp trung học cơ sở sẽ có mã số học sinh như sau: 011PL2001 (001 là số thứ tự).

2. Sử dụng mã số học sinh:

- Mỗi học sinh có một mã học sinh duy nhất được Phòng Công tác học sinh cấp cho học sinh sau khi xét tuyển và nhập học vào trường, được lưu trữ trên hệ thống phần mềm đào tạo của trường. *(kể cả khi học sinh tốt nghiệp ra trường, thôi học,.. đều không dùng lại mã số này để ghi mã số đó cho học sinh khác).*

- Mã số học sinh được cấp một lần vào đầu khóa học, phục vụ cho công tác quản lý học sinh trong toàn trường. Quá trình học tại trường dùng để định danh bài thi, kiểm tra, tra cứu điểm thi, kết quả học tập và rèn luyện.

- Mã số học sinh được ghi trên thẻ học sinh, mỗi học sinh được cấp 1 thẻ học sinh theo quy định.

3. Tổ chức thực hiện:

- Phòng Công tác học sinh có trách nhiệm lập mã số học sinh khi học sinh nhập học và cập nhật trên phần mềm đào tạo.

- Phòng Công tác học sinh cấp thẻ học sinh theo mã số học sinh cho từng học sinh vào đầu khóa.

- Mã số học sinh sau khi được cấp, tất cả Phòng, Khoa có liên quan sử dụng thống nhất trong quản lý toàn trường.

PHỤ LỤC

- | | |
|--|--------------------|
| 1. Hệ đào tạo: Số ghi trước ký hiệu ngành (Y). | Ký hiệu hệ đào tạo |
| - Hệ chính quy: | 1 |
| - Hình thức vừa làm vừa học: | 2 |
| 2. Ngành đào tạo (ZZ). | Ký hiệu mã ngành |
| - Kế toán doanh nghiệp | KD |
| - Tin học ứng dụng | UD |
| - Kế toán tin học | KT |
| - Điện công nghiệp và dân dụng | DD |
| - Công nghệ kỹ thuật điện điện tử | CN |
| - Điện công nghiệp | DC |
| - Tài chính ngân hàng | NH |
| - Dịch vụ pháp lý | PL |
| 3. Đối tượng đào tạo: Số ghi sau ký hiệu ngành (T).Ký hiệu đối tượng đào tạo | |
| - Học sinh tốt nghiệp THPT: | 1 |
| - Học sinh tốt nghiệp THCS: | 2 |



